

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2019

V/v: Ly hôn giữa chị Nh và anh N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 30-5-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-4-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1994; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 68 đường N, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Việt N, sinh năm 1989; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 68 đường N, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 68 đường N, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Nh có mặt. Anh N vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Viết N tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N vào ngày 31 tháng 5 năm 2018. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên có thời gian tìm hiểu quá ngắn dẫn đến bất đồng về quan điểm, không có sự hòa hợp về lối sống tính cách, anh N mãi chơi không quan tâm tới gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không sửa chữa nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn gay gắt với anh N và gia đình anh N nên chị đã trở về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 02-2019, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Viết N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Trần Viết N xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn theo lời trình bày của chị Nh là đúng. Anh xác nhận chị Nh đã trở về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 02-2019, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn nên anh không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của các đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi chị Nh và anh N cư trú đã cung cấp: Quá trình chung sống chị Nh và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về lối sống và tính cách nên có xảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng chị Nh và anh N không có con chung, hiện nay chị Nh và anh N đã sống ly thân. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn với anh N, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định còn bị đơn không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Trần Viết N.

Về con chung: Chị Nh và anh N không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nh và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Viết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Trần Viết N tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N vào ngày 31 tháng 5 năm 2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống khi nảy sinh những bất đồng quan điểm, không hòa hợp về lối sống và tính cách dẫn đến thường xuyên cãi vã, có lời nói hành vi xúc phạm nhau, chị Nh và anh N lại không tìm biện pháp hòa giải hàn gắn tình cảm mà lại chọn giải pháp sống ly thân mỗi người một nơi, không trân trọng tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng chị Nh vẫn cương quyết xin ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với anh N nữa, còn anh N không nhất trí ly hôn chị Nh nhưng lại không đưa được ra giải pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đến tham gia phiên tòa. Qua đó cho thấy, tình cảm vợ chồng của chị Nh và anh N không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Trần Viết N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Trần Viết N không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Trần Viết N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Trần Viết N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo biên lai số 0000597 ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Viết N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường L, thành phố N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng